

Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

NGÔ NGỌC NGUYỄN THẢO*

Tóm tắt

Nghiên cứu tiến hành phân tích, xây dựng và kiểm định mô hình về các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Tác giả đã sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến việc tổ chức này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng NSNN, gồm: Khuôn khổ pháp lý về kế toán; Hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB); Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT); Nhu cầu thông tin kế toán; Đội ngũ nhân viên kế toán. Từ đó, tác giả đề xuất các hàm ý quản trị, nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của đơn vị.

Từ khóa: công tác kế toán, ngân sách nhà nước, tỉnh Bình Thuận

Summary

The study analyzes, designs and tests models of factors affecting the accounting at state budget-using units in Binh Thuan province. The author combines qualitative and quantitative research methods to determine the influence of each factor on accounting. Research results show that there are 5 determinants of accounting at these state budget-using units, including Legal framework for accounting; Internal control system; Information technology application; The need for accounting information; Accountants. Based on the findings, the author proposes management implications to enhance the efficiency of accounting, contributing to improving the management efficiency at the aforementioned units.

Keywords: accounting, state budget, Binh Thuan province

GIỚI THIỆU

Với chức năng thông tin và kiểm tra tình hình và kết quả hoạt động của đơn vị một cách thường xuyên, nhanh nhạy và có hệ thống nên tổ chức công tác kế toán là một trong các mặt quan trọng được các đơn vị quan tâm. Tổ chức công tác kế toán bao hàm cả việc xác lập các nhân tố, điều kiện, cũng như các mối liên hệ đến hoạt động kế toán, bảo đảm cho kế toán phát huy tối đa các chức năng vốn có của mình. Tổ chức công tác kế toán được xem như là một hệ thống các nhân tố cấu thành, nó bao gồm toàn bộ việc tổ chức vận dụng các phương pháp kế toán để thu nhận, xử lý và cung

cấp các thông tin; tổ chức vận dụng chính sách, chế độ vào đơn vị công tác bao gồm công tác tổ chức nhân sự kế toán, người chủ tài khoản ngân sách nhằm phát huy hết nhiệm vụ, vai trò của mình và đem lại kết quả tốt nhất. Tổ chức công tác kế toán ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc chung của tổ chức, còn phải gắn với đặc thù của từng đơn vị, nhất là với đơn vị có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

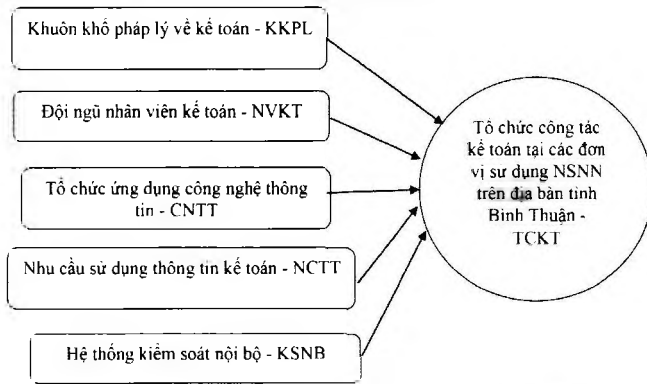
Cơ sở lý thuyết

Đơn vị hành chính sự nghiệp là những đơn vị thuộc lĩnh vực phi sản xuất vật chất, hoạt động chủ yếu từ nguồn kinh phí ngân sách cấp để thực hiện các chức năng quản lý nhà nước, cũng như cung cấp các dịch vụ công cho toàn xã hội. Ngoài ra, đơn vị hành chính sự

*ThS., Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH)

Ngày nhận bài: 17/01/2022; Ngày phản biện: 16/02/2022; Ngày duyệt đăng: 25/02/2022

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



nghiệp còn gồm: các đoàn thể, hội nghề nghiệp, các lực lượng vũ trang, đơn vị an ninh quốc phòng. Kinh phí hoạt động của các đơn vị này có nguồn từ ngân sách cấp nên đơn vị hành chính sự nghiệp còn được gọi là đơn vị dự toán hay đơn vị thụ hưởng ngân sách (Hutech, 2018).

Azmi Fitriati và Sri Mulyani (2015) nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của hệ thống thông tin kế toán và tác động của nó đến chất lượng thông tin kế toán. Nghiên cứu này tiến hành khảo sát tại trường đại học Muhammadiyah ở Central Java, Indonesia và chỉ ra nhân tố Cam kết và Văn hóa của tổ chức có ảnh hưởng tích cực đến thành công của hệ thống thông tin kế toán. Sự thành công của hệ thống thông tin kế toán làm gia tăng chất lượng thông tin kế toán, phù hợp, chính xác, kịp thời và đầy đủ hơn.

Lương Thị Hồng Hoa (2016) nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức công tác kế toán trong các cơ quan hành chính sự nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhân tố về môi trường pháp lý; chất lượng đội ngũ nhân viên kế toán và thủ tục, quy trình KSNB có tác động mạnh đến hiệu quả tổ chức công tác kế toán của các đơn vị.

Earl R. Wilson và cộng sự (2018) đã nghiên cứu về kế toán nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận. Các nội dung nghiên cứu bao gồm: các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận, hướng dẫn cách thức ghi nhận các sự kiện, cách thức lập báo cáo tài chính cuối kỳ. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng đi sâu vào phân tích đặc thù hoạt động của một số lĩnh vực sự nghiệp đặc thù, như: công tác kế toán trong các trường học, bệnh viện, các đơn vị lực lượng vũ trang nhằm đề xuất giải pháp về việc ứng dụng CNTT; tổ chức các thủ tục kiểm soát nội bộ, cũng như đội ngũ nhân viên phù hợp để có thể tổ chức và vận hành bộ phận kế toán của đơn vị.

Mô hình nghiên cứu

Dựa vào cơ sở lý thuyết nêu trên, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như Hình.

Tác giả xây dựng phương trình hồi quy để kiểm định tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến biến phụ thuộc của mô hình là: tổ chức công tác kế toán (TCKT) tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Mô hình hồi quy có dạng:

$$TCKT = \alpha_0 + \beta_1 KKPL + \beta_2 NVKT + \beta_3 CNTT + \beta_4 NCTT + \beta_5 KSNB + \varepsilon$$

Trong đó:

- TCKT: Biến phụ thuộc mô tả việc tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;
 - KKPL: Khuôn khổ pháp lý về kế toán;
 - NVKT: Đội ngũ nhân viên kế toán;
 - CNTT: Tổ chức ứng dụng CNTT;
 - NCTT: Nhu cầu sử dụng thông tin kế toán;

- KSNB: Hệ thống KSNB;

- α_0 : hệ số chặn;

- $\beta_1, \beta_2, \dots, \beta_5$: các hệ số hồi quy;

- ε : độ sai lệch chuẩn.

Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp sưu tầm tài liệu, phương pháp phỏng vấn trực tiếp kết hợp với phương pháp trả lời bảng câu hỏi được gửi trực tiếp của các đối tượng là giám đốc, trưởng các phòng ban và kế toán trưởng, kế toán viên của các đơn vị có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Sử dụng thang đo 5 Likert cho toàn bộ bảng hỏi: 1 - Hoàn toàn đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Bình thường; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý. Tác giả đã gửi 145 bảng câu hỏi từ tháng 9/2021 đến tháng 12/2021 cho các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Kết quả nhận được 139 phiếu khảo sát, trong đó có 4 phiếu bị loại do không hợp lệ. Do đó, số lượng quan sát còn lại để đưa vào phân tích là 135 phiếu thỏa mãn điều kiện mẫu tối thiểu là 130. Bài viết sử dụng phần mềm SPSS Statistics 22.0 để phân tích (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kiểm định chất lượng thang đo

Qua kết quả kiểm định chất lượng thang đo ở Bảng 1 ta thấy hệ số Cronbach's Alpha của tổng thể đều > 0.7. Như vậy, hệ thống thang đo được xây dựng gồm 6 thang đo đảm bảo chất lượng tốt với 24 biến quan sát đặc trưng.

Phân tích EFA

Phân tích EFA biến phụ thuộc

Kết quả kiểm định Bartlett cho thấy, giữa các biến trong tổng thể có mối tương quan với nhau (Sig. = 0.000 < 0.05). Đồng thời, hệ số KMO = 0.730 (> 0.5), chứng tỏ phân tích nhân tố để nhóm các biến lại

với nhau là thích hợp và dữ liệu phù hợp cho việc phân tích. Mặt khác, với phương pháp rút trích Principal components và phép quay Varimax cho thấy, có 1 nhân tố được rút trích ra từ các biến quan sát. Phương sai trích là 55.315% > 50% là đạt yêu cầu.

Phân tích EFA biến độc lập

Kết quả phân tích cho thấy, $KMO = 0.738$, thỏa mãn điều kiện $0.5 \leq KMO \leq 1$, nên phân tích nhân tố được chấp nhận với dữ liệu nghiên cứu. Sig. Barlett's Test = 0.000 < 0.05, cho thấy kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê, chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong nhân tố. Kết quả sau khi chạy Fixed number of factors cho thấy, phương sai trích là 67.130% > 50% đạt yêu cầu. Với phương pháp rút trích Principal components và phép quay Varimax, có 5 nhân tố được rút trích ra từ 22 biến quan sát. Điều này cũng có nghĩa là 5 nhân tố rút trích ra thể hiện khả năng giải thích được 67.130% sự thay đổi của biến phụ thuộc trong tổng thể.

Kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Số liệu Bảng 2 cho thấy, khi xét tstat và $ta/2$ của các biến để đo độ tin cậy, thì các biến độc lập KKPL, KSNB, CNTT, NCTT và NVKT đều đạt yêu cầu và các giá trị Sig. thể hiện độ tin cậy khá cao, đều < 0.05. Ngoài ra, hệ số VIF của các hệ số Beta đều nhỏ hơn 10 và hệ số Tolerance đều > 0.5, cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.

Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Bảng 3 cho thấy, giá trị hệ số tương quan là $0.868 > 0.5$. Do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Ngoài ra, hệ số xác định của mô hình hồi quy R^2 hiệu chỉnh là 0.744. Nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 74.4%. Điều này cho biết, khoảng 74.4% sự biến thiên về việc tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, các phần còn lại là do sai sót của các nhân tố khác. Kiểm định Durbin Watson = 2.030 trong khoảng $1 < D < 3$, nên không có hiện tượng tự tương quan của các phần dư. Phương trình hồi quy được viết như sau:

$$TCKT = 0.399 * NVKT + 0.301 * NCTT + 0.280 * CNTT + 0.233 * KSNB + 0.225 * KKPL$$

BẢNG 1: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG THANG ĐO BẢNG HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA

STT	Nhóm biến	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha
1	Khuôn khổ pháp lý về kế toán	4	0.819
2	Đội ngũ nhân viên kế toán	6	0.890
3	Tổ chức ứng dụng CNTT	5	0.801
4	Nhu cầu sử dụng thông tin kế toán	4	0.799
5	Hệ thống KSNB	3	0.920
6	Tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	4	0.729

BẢNG 2: THÔNG SỐ THỐNG KÊ TRONG MÔ HÌNH HỒI QUY BẢNG PHƯƠNG PHÁP ENTER

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
(Constant)	-2.036	.296		-6.874	.000		
KKPL	.204	.042	.225	4.805	.000	.873	1.146
KSNB	.308	.059	.233	5.185	.000	.952	1.051
CNTT	.315	.056	.280	5.670	.000	.782	1.278
NCTT	.256	.041	.301	6.222	.000	.816	1.225
NVKT	.454	.052	.399	8.736	.000	.919	1.088

Biến phụ thuộc: (TCKT)

BẢNG 3: MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA MÔ HÌNH

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R^2	Hệ số R^2 -hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Thống kê thay đổi				Hệ số Durbin-Watson
					Hệ số R^2 sau khi đổi	Hệ số F khi đổi	Bậc tự do 1	Bậc tự do 2	
1	.868 ^a	.753	.744	.38176	.753	78.684	5	129	2.030

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

Kết luận

Kết quả sau khi nghiên cứu các nhân tố tác động đến việc tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận cho thấy, có 5 nhân tố đều tác động cùng chiều đến vấn đề nghiên cứu. Mức độ tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc trong mô hình được thể hiện ở Bảng 4.

Qua số liệu ở Bảng 4 cho thấy, nhân tố “Đội ngũ nhân viên kế toán” thực hiện có tác động mạnh nhất đến việc tổ chức công tác kế toán tại các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; còn nhân tố tác động yếu nhất là nhân tố “Khuôn khổ pháp lý về kế toán”.

Một số hàm ý quản trị

Dựa vào kết quả nghiên cứu trên, tác giả xác định được thứ tự quan trọng của các nhân tố, giúp cho các đơn vị sử dụng NSNN tỉnh Bình Thuận có thể ưu tiên việc cải thiện các nhân tố nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán tại đơn vị. Sau đây, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với các đơn vị sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Cụ thể như sau:

BẢNG 4: MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC BIẾN ĐỘ LẬP ẢNH HƯỞNG ĐẾN BIẾN PHỤ THUỘC

Biến độc lập	Hệ số beta	Tỷ lệ (%)	Thứ tự tác động
Khuôn khổ pháp lý về kế toán	0.225	15.6	5
Hệ thống KSNB	0.233	16.20	4
Tổ chức ứng dụng CNTT	0.280	19.5	3
Nhu cầu thông tin kế toán	0.301	20.9	2
Đội ngũ nhân viên kế toán	0.399	27.8	1

Về đội ngũ nhân viên kế toán: Kỹ năng của nhân viên kế toán đóng vai trò quan trọng hàng đầu đến hiệu quả tổ chức công tác kế toán, vì vậy nhân viên kế toán cần thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng tin học và ngoại ngữ. Ngoài ra, cần luôn rèn luyện về đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, nghiêm túc và cẩn thận trong nghề nghiệp, luôn chấp hành đúng nội quy và quy chế của cơ quan, thường xuyên trau dồi và học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, trau dồi kỹ năng giao tiếp, cư xử và ứng xử hợp lý, đúng mực.

Về nhu cầu sử dụng thông tin kế toán: Để đáp ứng được yêu cầu thông tin kế toán nêu trên, cần nâng cao chất lượng thông tin kế toán và hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính trên các phương diện: Trình bày thông tin tổng quát và chi tiết đảm bảo tính so sánh và phân tích được. Vì hiện nay, các báo cáo tài chính có báo cáo thông tin tổng quát, có báo cáo thông tin chi tiết, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu so sánh, phân tích, như: thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, nên bổ sung báo cáo vốn chủ sở hữu, vì đây là thông tin cần thiết để đánh giá nguồn lực tự có của các đơn vị.

Về tổ chức ứng dụng CNTT: Cần phải ứng dụng CNTT trong công tác kế toán, cụ thể là việc sử dụng

phần mềm kế toán để cập nhật dữ liệu hàng ngày, giúp nhanh chóng có được những thông tin cần thiết cũng như việc tìm kiếm dữ liệu được nhanh và kịp thời. Bên cạnh đó, nhà quản lý cần phải nắm bắt thông tin chính xác và xử lý thông tin nhanh nhạy, kịp thời để đề ra các quyết định, tận dụng sự trợ giúp của CNTT, máy vi tính và phần mềm kế toán nhằm nâng cao chất lượng công việc chuyên môn, đồng thời đem lại hiệu quả trong công tác quản lý nguồn tài chính của đơn vị.

Về hệ thống kiểm soát nội bộ: Các nhà quản lý phải có trách nhiệm thành lập, điều hành và kiểm soát hệ thống KSNB phù hợp với mục tiêu của tổ chức để góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của đơn vị. Để hệ thống này vận hành tốt, cần tuân thủ một số nguyên tắc, như: xây dựng một môi trường văn hóa chú trọng đến sự liêm chính, đạo đức nghề nghiệp cùng với những quy định rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi.

Về khuôn khổ pháp lý kế toán: Cùng với tiến trình cải cách hành chính công, Nhà nước cần sớm ban hành chế độ kế toán mới phù hợp với chuẩn mực kế toán công quốc tế và phù hợp với đặc điểm của các đơn vị hành chính sự nghiệp của Việt Nam. Đồng thời, sớm ban hành những văn bản hướng dẫn cụ thể nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý để các đơn vị có căn cứ áp dụng, qua đó góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại đơn vị. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH) (2018). *Giáo trình Kế toán công*
2. Lương Thị Hồng Hoa (2016). *Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức công tác kế toán trong các cơ quan hành chính sự nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
3. Azmi Fitriati, Sri Mulyani (2015). Factors that affect Accounting Information System Success and Its implication on Accounting Information Quality, *Asian Journal of Information Technology*, 14, 154-161
4. Earl R. Wilson, Leo E. Hay, Susan C. Kattelus (2018). *Accounting for Governmental and nonprofit Entities*, McGraw-Hill, 12th Edition
5. Ismail (2009). *Factors Influencing AIS Effectiveness among Manufacturing SMEs: Evidence from Malaysia*
6. Leslie G. Eldenburg (2017). Management Accounting and Control in the Hospital Industry: A Review, *Journal of Governmental & Nonprofit Accounting*, 6(1), 52-91
7. M. Syaifullah (2014). Influence Organizational Commitment On The Quality Of Accounting Information System, *International Journal of Scientific & Technology Research*, 3(9), 299-305
8. Nathan Carroll, Justin C. Lord (2016). The Growing Importance of Cost Accounting for Hospitals, *Journal of Health Care Finance*, 42(2), 172-185